

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 16- 9- 2021

V/v ly hôn giữa ông H bà B

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Đồng.

2. Bà Vũ Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:

Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “ ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Danh H, sinh năm 1953 “có mặt”.

Bị đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1959 “có mặt”.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, c, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị B kết hôn với nhau từ năm 1980. Trước khi kết hôn, hai chúng tôi cũng không được tìm hiểu, được hai bên gia đình giới thiệu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đi đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong bà B về nhà tôi làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình tôi tại Quảng Minh, Việt Yên, Bắc Giang. Đến 1984, thì cả hai vợ chồng lên sinh sống tại Trại khí Tượng L kể từ đó cho đến nay. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng. Nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách nên hay bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 02/2016 cho đến nay. Đến nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị B.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Quyên, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Quỳnh, sinh năm 1991. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình, ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Btrình bày:

Về hôn nhân: Bà xác định về quan hệ hôn nhân, thời gian bà và ông H cưới nhau, về chung sống, cưới có đăng ký kết hôn như lời trình bày trên của ông H là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc như ông H trình bày. Vợ chồng ly thân từ tháng 2/2016 cho đến nay. Nay xét thấy việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các con nên bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà thống nhất lời trình bày trên của ông H. Về tài sản riêng, chung, công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Danh H và bà Phạm Thị B.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

[2] *Về hôn nhân:* Ông H và bà B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1980, có đăng ký kết hôn, khi cưới nhau đảm bảo đúng các điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng ông H và bà B đều xác định có phát sinh mâu thuẫn không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay quan điểm của bà B không đồng ý ly hôn nhưng ông H vẫn cương quyết ly hôn, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 2/2016 không còn quan hệ tình cảm. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành và căn cứ vào kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì xác

định hôn nhân giữa ông H và bà B đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận đơn khởi kiện của ông H theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về án phí:** Ông H do thuộc diện người cao tuổi nên được phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo đúng quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Danh H và bà Phạm Thị B.

2. Về án phí: Miễn án phí cho ông Nguyễn Danh H.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LNg;
- UBND TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh

